

Số: 1756 /BC - TCS

Cẩm Phả, ngày 09 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

I. THÔNG TIN CHUNG

1/ Thông tin khái quát.

Tên tổ chức phát hành: **Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin**

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

Giấy chứng nhận ĐKKD: 5700101002 cấp ngày 02/1/2007.

Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 5/12/2019.

Vốn điều lệ: 324.961.050.000 đồng; Mã cổ phiếu : TC6

Địa chỉ: Phường Cẩm Phú - Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.3862062. Fax: 0203.3863936. Website:Cocsau.com

Vùng than Cọc Sáu trước ngày Chính phủ ta tiếp quản (25/04/1955) là một công trường khai thác than thủ công thuộc mỏ than Cẩm Phả. Sau khi tiếp quản được đặt tên là công trường Cọc Sáu thuộc xí nghiệp than Cẩm Phả. Khai thác than chủ yếu bằng thủ công mai, cuốc, xà beng... ở phía Tây và phía Bắc. Công trường Cọc Sáu ngày tiếp quản có 02 công trường như công trường Tả Hữu Ngạn và công trường Y.

Đến năm 1957 thành lập thêm công trường H

Đến năm 1958 thành lập tiếp công trường Bắc Phi (Bắc Cọc Sáu)

Đến năm 1959 thành lập công trường Thắng Lợi

Đến đầu năm 1960, công trường Cọc Sáu đã có tổng số 1811 người (1283 nam và 528 nữ), trong đó có 442 người Hoa, 184 Đảng viên, 230 đoàn viên thanh niên.

Tháng 3 năm 1960, Chính phủ có quyết định giải thể xí nghiệp quốc doanh than Cẩm Phả, thành lập Công ty Than Hòn Gai. Thực hiện quyết định số 707 BCN-KB2 của Thủ tướng Chính phủ thành lập xí nghiệp Than Cọc Sáu từ ngày 01/08/1960 (gọi tắt là mỏ Cọc Sáu), là xí nghiệp khai thác than lộ thiên trực thuộc Công ty Than Hòn Gai, diện tích đất đai được giao quản lý trên 16km², lực lượng lao động lúc mới thành lập khoảng 2.000 người, trong đó lực lượng nòng cốt gồm bộ đội và thanh niên xung phong chuyên ngành được bổ sung về xây dựng khu mỏ.

Đến năm 1996, xí nghiệp Than Cọc Sáu trở thành đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam theo quyết định số 2600/QĐ-TCCB ngày 17/09/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Việt Nam.

Tháng 9/2001, xí nghiệp Than Cọc Sáu chính thức đổi tên thành Công ty Than Cọc Sáu.

Theo quyết định số 487/QĐ-HĐQT ngày 19/12/2005 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên trong đó có Công ty Than Cọc Sáu. Công ty Than Cọc Sáu đã thực hiện triển khai đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước từ ngày 01/01/2007 và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51%. Kể từ ngày 02/01/2007 với tên gọi mới là "Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - TKV" theo giấy phép kinh doanh số 2203000745 do

sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp với mức vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Từ ngày 28/4/2011 Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin với mã số doanh nghiệp 5700101002. Từ ngày 12/10/2011 Công ty tăng vốn điều lệ là 129.986.940.000 đồng.

Từ ngày 17/8/2016 đến nay đổi tên thành công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin với mã số doanh nghiệp 5700101002. Từ ngày 12/10/2011 Công ty tăng vốn điều lệ là 324.961.050.000 đồng. Từ ngày 28/2/2019 Công ty Nhà Nước nắm cổ phần chi phối 65%.

2/ Ngành nghề kinh doanh :

- Khai thác, chế biến kinh doanh than và các loại khoáng sản khác;
- Xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, dân dụng và san lấp mặt bằng;
- Chế tạo, sửa chữa, gia công các thiết bị mỏ, phương tiện vận tải, các sản phẩm cơ khí;
- Vận tải đường thủy, đường bộ, đường sắt; Sản xuất các mặt hàng bằng cao su;
- Quản lý, khai thác cảng và bến thủy nội địa; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Nuôi trồng thủy sản; Kinh doanh, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, hàng hóa.

3/ Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

Mô hình quản trị:

- + Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên.
- + Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.
- + Ban Giám đốc, điều hành 06 người gồm 01 giám đốc, 04 phó giám đốc, 01 kế toán trưởng
- + Các Công trường, phân xưởng, phòng ban:
 - Cơ cấu bộ máy quản lý các phòng ban:

01 - Phòng kỹ thuật khai thác	9 - Phòng Kế toán - thống kê - tài chính
02 - Phòng Trắc địa địa chất	10 - Phòng Tổ chức – LĐYT
03 - Phòng Giám định chất lượng	11 - Phòng Kế hoạch
4 - Phòng điều khiển sản xuất	12- Phòng Đầu tư Môi trường
5 - Phòng An toàn	13 - Phòng Thanh tra Bảo vệ - Kiểm toán
6 - Phòng Kỹ thuật vận tải	14 - Văn phòng
7 - Phòng Cơ điện	11 - Khối dân đảng
8 - Phòng Quản lý vật tư	

- Các công trường, Phân xưởng:

01- Công trường Khoan	9- Phân xưởng vận tải ô tô 7
02- Công trường Xúc tả ngạn	10- Phân xưởng cơ điện
03- Công trường Xúc thắng lợi	11- Phân xưởng Sửa chữa
04- Phân xưởng vận tải ô tô 1	12- Công trường Gạt làm đường
05- Phân xưởng vận tải ô tô 2	13- Phân xưởng Trạm mạng
06- Phân xưởng vận tải ô tô 3	14- Công trường Băng sàng
07- Phân xưởng vận tải ô tô 5	15- Công trường Than 2
08- Phân xưởng vận tải ô tô 6	

4/ Định hướng phát triển :

Trên cơ sở kế hoạch SXKD của từng năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT đề ra phương hướng nhiệm vụ cụ thể như sau: Phần đầu xây dựng Công ty trở

thành một Công ty có trình độ khai thác mỏ hàng đầu của Tập đoàn - Vinacomin với công nghệ khai thác hiện đại, tiên tiến, đạt tiêu chuẩn trong khu vực. Làm tốt công tác bảo vệ môi trường và phấn đấu xây dựng Công ty Cổ Phần Than Cọc Sáu - Vinacomin xanh, sạch, đẹp và thân thiện với môi trường để phát triển bền vững. Tập trung đẩy mạnh sản xuất ngay từ đầu năm theo kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh của Công ty với Tập đoàn, cân đối năng lực thiết bị và lao động để xây dựng phương án và thực hiện kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tháng, quý nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất và hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019. Tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi trong những tháng đầu năm tăng cường bóc xúc, mở diện khai thác đồng thời tập trung tối đa phục vụ công tác hạ moong đảm bảo sản lượng và tiến độ theo kế hoạch đặt ra.

5/ Các rủi ro :

Năm 2019, Công ty gặp rất nhiều khó khăn tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Thời tiết diễn biến bất thường; điều kiện khai thác quá khó khăn, đáy moong tiếp tục xuống sâu hơn, bờ mỏ cánh Bắc, cánh Nam yếu, thường xuyên tụt lún; khối lượng bơm nước moong, lượng bùn hoa, loãng rất nhiều, việc xử lý bùn gặp rất nhiều khó khăn làm ảnh hưởng đến tiến độ khai thác xuống sâu và thực hiện sản lượng than khai thác; độ cao nâng tải và cung độ vận chuyển lớn làm tăng giá thành sản xuất làm ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất của Công ty.

Đứng trước khó khăn và thử thách trên, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ; sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc cùng với sự đồng thuận của các tổ chức đoàn thể. Công ty đã đoàn kết, chung sức vượt qua khó khăn, thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 theo kế hoạch điều chỉnh, bảo toàn vốn.

II. TÌNH HÌNH SXKD TRONG NĂM

1/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2019				
			KẾ HOẠCH ĐẦU NĂM	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ % SO VỚI	
						KHĐAUNĂM	KHĐC
1	Đất đá bóc xúc	M ³	25.900.000	25.200.000	25.217.453	97,36	100,07
2	Than sản xuất	Tấn	2.690.000	2.750.000	2.912.208	108,26	105,90
a	Than khai thác bóc vỉa	Tấn	1.850.000	1.750.000	1.750.084	94,60	100,00
b	Than sạch từ ĐDLT	Tấn	840.000	1.000.000	1.162.124	138,35	116,21
3	Hệ số bóc đất sản xuất	M ³ /tấn	14,00	14,40	14,41	102,93	100,07
4	Than tiêu thụ tổng số	Tấn	2.663.000	2.790.000	2.923.696	109,79	104,79
5	Doanh thu tổng số	Tr.đ	3.493.548	3.500.037	3.597.532	102,97	102,78
-	Trong đó: Doanh thu than	Tr.đ	3.490.548	3.479.037	3.544.806	101,55	101,89
6	Giá trị đầu tư XDCB	Tr.đ	298.481	292.889	242.780	81,33	82,89
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	26.066	31.280	15.889	60,96	50,80
8	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/tháng	8.562	8.706	10.142	118,45	116,49

2/ Tổ chức và nhân sự.

2.1/ Danh sách ban điều hành

*** Ông: PHẠM HỒNG TÀI - CHỦ TỊCH HĐQT (Đến hết ngày 30/4/2019)**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 16 tháng 4 năm 1959
- Nơi sinh: Đông Phú - Đông Hưng - Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Phú - Đông Hưng - Thái Bình
- Số chứng minh thư nhân dân: 100999318
- Địa chỉ thường trú: Tổ 3 - Khu 8 - Hồng Hải Hạ Long - Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc: 0913267920
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 7.662 cổ phần

*** Ông: PHẠM CÔNG HƯƠNG - CHỦ TỊCH HĐQT (Từ ngày 01/5/2019)**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 18 tháng 6 năm 1962
- Nơi sinh: Ngô Quyền – Thanh Miện – Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ngô Quyền – Thanh Miện – Hải Dương
- Số chứng minh thư nhân dân: 013376754
- Địa chỉ thường trú: 88 Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội
- Điện thoại liên lạc: 0912 053 520
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 21.130.131 cổ phần, trong đó:
 - + Sở hữu các nhân: 0 cổ phần – chiếm 0 %
 - + Đại diện phần vốn Nhà Nước: 21.130.131 cổ phần – chiếm 65% CP

*** Ông : NGUYỄN VĂN THUẤN - UVHĐQT - GIÁM ĐỐC**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 16 tháng 3 năm 1970
- Nơi sinh: Dạ Trạch - Châu Giang - Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Dạ Trạch - Châu Giang - Hưng Yên
- Số chứng minh thư nhân dân : 100999256
- Địa chỉ thường trú: Tổ 32 - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: KS Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 1.392 cổ phần

*** Ông : VŨ VĂN KHẨN - UVHĐQT**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 16 tháng 8 năm 1968
- Nơi sinh: Tân Phong - Vũ Thư - Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tân Phong - Vũ Thư - Thái Bình
- Số chứng minh thư nhân dân : 034068001414 cấp ngày 27/9/2015

- Địa chỉ thường trú: Tổ 4 - Cẩm Thủy - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 1.740 cổ phần
- * **Ông : ĐINH THÁI BÌNH - PHÓ GIÁM ĐỐC**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 11 tháng 06 năm 1976
- Nơi sinh: Cẩm phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh 022076000154
- Địa chỉ thường trú: Tổ 3 – Khu Cao Sơn 2 - Cẩm Sơn - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc: 0974.191.996
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 580 cổ phần
- * **Ông : NGUYỄN TẤN LONG - UVHĐQT - PHÓ GIÁM ĐỐC**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 08 tháng 11 năm 1967
- Nơi sinh: Bảo Xuyên - Vụ Bản - Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bảo Xuyên - Vụ Bản - Nam Định
- Số chứng minh thư nhân dân : 100 544 976
- Địa chỉ thường trú: Tổ 107A - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí ô tô
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 2.437 cổ phần
- * **Ông : TRẦN SƠN HÀ - PHÓ GIÁM ĐỐC**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 01 tháng 10 năm 1969
- Nơi sinh: Cửa ông - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Trung - Hải Hậu - Nam Hà
- Số chứng minh thư nhân dân : 100449595
- Địa chỉ thường trú: Tổ 31A - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 1.507 cổ phần
- * **Ông : VŨ VĂN HÙNG - PHÓ GIÁM ĐỐC**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 06 tháng 1 năm 1961
- Nơi sinh: Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quang Sơn Phú Xuyên Ninh Bình
- Số chứng minh thư nhân dân : 100710815
- Địa chỉ thường trú: Tổ 47 Cẩm Thành Cẩm Phả Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế



- Số cổ phần TC6 sở hữu: 2.785 cổ phần
- * **Ông : NGUYỄN HỮU TRƯỜNG - KẾ TOÁN TRƯỞNG (Đến hết ngày 20/11/2019)**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 14 tháng 10 năm 1964
- Nơi sinh: Tân Phong - Kiến Thụy - Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tân Phong - Kiến Thụy - Hải Phòng
- Số chứng minh thư nhân dân : 100983992 cấp ngày 13/1/2013
- Địa chỉ thường trú: Tổ 63 - Cẩm Trung - Cẩm Phả - Quảng Ninh.
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế mở
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 2.437 cổ phần

* **Ông : PHẠM THANH PHƯƠNG – PHỤ TRÁCH CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI CHÍNH (Từ ngày 21/11/2019)**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 06 tháng 7 năm 1974
- Nơi sinh: Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gia Phong - Gia Viễn - Ninh Bình
- Số chứng minh thư (thẻ căn cước): 022074003171 cấp ngày 23/5/2019
- Địa chỉ thường trú: Tổ 34 - Khu 3 - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh.
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kế toán, Kỹ sư Kinh tế & QTKD.
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 5.200 cổ phần

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2019 Công ty đã có sự thay đổi nhân sự ban điều hành:

- Quyết định số 87/QĐ-TCS ngày 01/5/2019 của HĐQT về việc thay đổi nhân sự HĐQT Công ty, ông Phạm Hồng Tài, trưởng ban – thành viên ban quản lý vốn TKV thôi tham gia HĐQT và thôi giữ chức vụ chủ tịch HĐQT Công ty kể từ ngày 01/5/2019.
- Quyết định số 88/QĐ-TCS ngày 01/5/2019 của HĐQT về việc bổ nhiệm ông Phạm Công Hương, trưởng ban – thành viên ban quản lý vốn TKV giữ chức vụ chủ tịch HĐQT Công ty kể từ ngày 01/5/2019.
- Quyết định số 218/QĐ-TCS ngày 29/11/2019 của HĐQT về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Thuấn - UVHĐQT, Quyền Giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc Công ty từ ngày 29/11/2019.
- Nghị quyết số 206/NQ-HĐQT ngày 21/11/2019 của HĐQT về việc miễn nhiệm chức vụ Kế Toán trưởng đối với ông Nguyễn Hữu Trường do hết hai nhiệm kỳ liên tiếp giữ chức vụ tại Công ty kể từ ngày 21/11/2019.
- Quyết định số 6074/QĐ-TCS ngày 21/11/2019 của Giám đốc Công ty về việc giao nhiệm vụ phụ trách phòng Kế toán - Thống kê - Tài chính và phụ trách công tác Kế toán Tài chính của Công ty.

2.3. Số lượng cán bộ công nhân viên

Số lượng CBCNV có đến ngày 31/12/2019 là 2.432 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Công ty lập, thẩm định, phê duyệt các dự án theo quy định của Nhà Nước ban hành. Giá trị thực hiện đầu tư năm 2019: 248.627 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2018
1	Tổng giá trị tài sản	2.003.514.223.341	1.942.354.201.053
2	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	3.557.605.860.663	3.054.011.427.369
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-8.158.499.250	49.002.084.205
4	Lợi nhuận khác	24.047.652.450	2.654.750.306
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.889.153.200	51.656.834.511
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	5.998.451.133	41.313.131.609

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	0,68	0,77
2	Hệ số nợ phải trả/ vốn CSH	4,95	4,22
3	Vòng quay vốn lưu động (DDT/VLĐ)	4,07	4,79
4	Vòng quay hàng tồn kho (GV/HTK)	6,93	7,36
5	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	1,83	11,22
	+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản (ROA)	0,304	2,127

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần: Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 32.496.105 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần. Tất cả cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

b. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông trong nước: Sở hữu 31.524.630 cổ phần chiếm 97 %; Với:
 - + Cổ đông tổ chức sở hữu 21.491.654 cổ phần chiếm 66 %;
 - + Cổ đông cá nhân sở hữu 10.032.976 cổ phần chiếm 31 %.
- Cổ đông nước ngoài: Sở hữu 971.475 cổ phần chiếm 3 %. Với:
 - + Cổ đông tổ chức sở hữu 846.950 cổ phần chiếm 2,6%;
 - + Cổ đông cá nhân sở hữu 124.525 cổ phần chiếm 0,4%.
- Cổ đông lớn: Tập đoàn Vinacomin sở hữu: 21.122.469 cổ phần chiếm 65,%;

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không;

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không;

e. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1. Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm 493.551 triệu đồng

6.2. Năng lượng tiêu thụ trong năm:

- Nhiên liệu: 629.525 triệu đồng
- Động lực: 58.630 triệu đồng

6.3. Tiêu thụ nước:

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty hợp đồng mua nước với Công ty Nước sạch Quảng Ninh, năm 2019 lượng nước Công ty sử dụng: 11.820 m³

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm công ty đã nộp 39.775 triệu đồng tiền phí và thuế bảo vệ môi trường.

Công ty luôn thực hiện tuân thủ Luật pháp và các quy định về môi trường, không để xảy ra vi phạm.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a/ - Số lượng lao động bình quân trong năm: 2.465 người

- Tiền lương bình quân: 10.142.000/ người/ tháng.

b/ Chính sách lao động nhằm bảo vệ sức khỏe an toàn và phúc lợi cho người lao động:

- Tổ chức phát động hiệu quả các phong trào thi đua lao động sản xuất hướng về mục tiêu “An toàn - Đổi mới - Hiệu quả - Phát triển”. Trong năm Công ty có nhiều tập thể, cá nhân được các cấp suy tôn và khen thưởng.

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, các phong trào VHVN-TDĐT; phát huy nội lực, tham gia có hiệu quả các hoạt động văn hoá, thể thao do các cấp tổ chức

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; duy trì chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, ổn định việc làm cho người lao động, chăm lo các ngày lễ, tết cho CBCN theo quy định.

- Tổ chức tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động; khám sức khỏe định kỳ lần 1 năm 2019 cho toàn bộ CBCN theo quy định; khám lần 2 cho đối tượng nghề nặng nhọc, độc hại, bệnh nghề nghiệp, cấp dưỡng; tổ chức cho CBCNV sức khỏe yếu được đi nghỉ mát và hỗ trợ điều trị theo quy định của TKV.

- Tham gia tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, các cuộc vận động xã hội từ thiện do các cấp phát động.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

- Nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường và hạn chế thấp nhất các tác động của ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất than tới cộng đồng dân cư. Hàng năm Công ty tổ chức quan trắc môi trường định kỳ theo yêu cầu của báo cáo ĐTM đã được phê duyệt với các chỉ tiêu quan trắc bao gồm: Môi trường không khí, môi trường đất, môi trường nước với tần suất quan trắc 04 lần / năm.

- Theo kết quả của báo cáo quan trắc môi trường định kỳ tại Công ty Cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin đó được Công ty CP tin học CN Môi trường – vinacomin thực hiện, cơ bản các chỉ tiêu về môi trường không khí, nước và đất đều đạt kết quả ở ngưỡng cho phép theo QCVN.

- Hàng năm Công ty thường xuyên đầu tư và hỗ trợ Chính quyền địa phương thực hiện các công việc liên quan tới công tác Bảo vệ môi trường, cụ thể: Nạo vét các tuyến mương, suối khu dân cư; Tổng vệ sinh môi trường các tuyến đường khu vực dân sinh; Duy tu bảo dưỡng các tuyến đường liên lạc khu vực dân cư nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Tổng số tiền dành cho công tác bảo vệ môi trường thường xuyên tại Công ty năm 2019 trên 26 tỷ đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

a. Xử lý nước thải công nghiệp

- Công ty phối hợp chặt chẽ, đôn đốc, giám sát Công ty TNHH 1 TV Môi trường - TKV trong công tác duy trì vận hành hiệu quả trạm xử lý nước thải mỏ than Cọc Sáu đảm bảo chất lượng nước xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận theo QCVN 40-2011/BTNMT.

- Khối lượng nước đã xử lý cho Công ty CP Than Cọc Sáu năm 2018: 5.592 triệu m³ giá trị xử lý: 11.38 tỷ đồng.

b. Xử lý nước thải sinh hoạt

- Công ty đã ký hợp đồng mua nước của công ty CP nước sạch Quảng Ninh- Xí nghiệp nước Cẩm phả phục vụ hoạt động sinh hoạt của công ty. Nước thải sinh hoạt được xử lý thông qua 03 modul trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại 03 điểm tại Công ty.

- Thực hiện quan trắc định kỳ nước thải sau khi xử lý tại 03 trạm xử lý nước thải sinh hoạt. Chất lượng nước thải sau 03 trạm đạt qui chuẩn QCVN: 14-2008/BTNMT.

c. Xử lý khí thải, bụi

- Công ty tiếp tục tăng cường công tác trung đại tu và sửa chữa các thiết bị máy mỏ hạn chế lượng khí thải phát sinh.

- Duy trì 13 xe Stec chở nước dung tích từ 12-20m³ và cải hoán 02 xe HD 435-7 dung tích 35m³ phục vụ công tác tưới nước dập bụi tại các khu vực khai trường Công ty, bãi thải, khu giáp ranh dân cư.

- Tiếp tục vận hành hệ thống lọc bụi túi khu vực ga B, hệ thống chuyển tải than bằng băng tải kín từ +15 moong về khu sàng tuyển.

- Nhằm hạn chế tối đa lượng bụi phát sinh phát tán từ khu vực kho chứa than, Công ty tiếp tục duy tu củng cố hệ thống lưới che chắn bụi khu vực băng sàng.

- Hệ thống phun sương dập bụi tại các hệ thống sàng, cầu chuyển tải than được duy trì vận hành 03 ca sản xuất. Hiện tại hệ thống đang hoạt động ổn định và đảm bảo hiệu quả dập bụi.

d. Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, chất thải sinh hoạt

- Chất thải rắn công nghiệp: Toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp: sẫm lớp phé liệu, dây cu roa, cao su các loại... được thu gom, bảo quản riêng tại kho vật tư và chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng qui định. Khối lượng chất thải rắn đã xử lý: 244 tấn.

- Chất thải sinh hoạt: Chất thải sinh hoạt phát sinh tại công ty được thu gom lưu trữ trong các xe đẩy chứa rác thải, chuyển giao cho công ty Môi trường đô thị Cẩm Phả vận chuyển xử lý theo qui định của pháp luật. Khối lượng thuê xử lý gần 45 tấn.

- Chất thải nguy hại: được phân loại, thu gom lưu trữ tại các kho chứa chất thải nguy hại. Chuyển giao cho các đơn vị có đầy đủ chức năng - Công ty CPTM Hải Đăng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng qui định của pháp luật. Lượng chất thải nguy hại đã thuê xử lý năm 2019: 264 tấn. Giá trị xử lý: 2,8 tỷ đồng.

- Chất thải y tế: thuê Công ty CPTM Hải Đăng có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo đúng các qui định của pháp luật. Khối lượng đã thuê xử lý: 346,5kg



e. Quan trắc môi trường định kỳ

- Công ty tổ chức thực hiện đầy đủ chương trình giám sát, quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc dịch động bãi thải (Khe rè, Đông Cao Sơn, đập chắn số 04 Khe rè), quan trắc môi trường nhà điều hành, Trạm y tế công ty theo đúng yêu cầu tại bản báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

- Tần suất quan trắc môi trường định kỳ, dịch động bãi thải: 04 lần/năm.

- Tần suất quan trắc môi trường nhà điều hành, trạm y tế: 02 lần/năm.

- Chi phí thực hiện năm 2019: 1,551 tỷ đồng

f. Trồng cây cải tạo phục hồi môi trường, tạo cảnh quan môi trường

- Tổ chức hưởng ứng tết trồng cây xuân Kỷ Hợi năm 2019 tại các đơn vị công trường phân xưởng trong toàn Công ty với tổng số cây đã trồng được: 2.522 cây giá trị thực hiện gần: 38 triệu đồng.

- Trồng cây tăng cường phủ xanh phục hồi môi trường bãi thải Khe Rè mức +150,+180, với tổng diện tích: 3,59 ha và mức +110, +300 bãi thải Đông Cao Sơn trồng với diện tích 7,2ha. Tổng số cây trồng bãi thải Đông Cao Sơn và Khe Rè là 96.573 cây. Tổng số tiền trồng cây bãi thải Đông Cao Sơn và Khe Rè: 2,716 tỷ đồng

g. Thực hiện nghĩa vụ tài chính trong công tác bảo vệ môi trường

- Công ty thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản lần 11 cho năm 2019 theo quyết định phê duyệt dự án cải tạo phục hồi môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường với giá trị: 2,6 tỷ đồng, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Ninh xác nhận.

- Công ty thực hiện nghiêm và đầy đủ việc kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải Công nghiệp theo hướng dẫn mới nhất về việc kê khai và nộp phí nước thải với tổng số tiền đã nộp năm 2019: 4,1 tỷ đồng.

h. Đảm bảo thoát nước bảo vệ môi trường qua khu dân cư

- Công ty đã tổ chức phối hợp với Thành phố Cẩm Phả, UBND các phường Cẩm Phú, Cẩm Thịnh, Cẩm Sơn, Mông Dương triển khai nạo vét các tuyến suối thoát nước qua khu dân cư đảm bảo tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường. Khối lượng đất đá nạo vét: 38.405 m³ đất đá.

i. Đảm bảo an toàn khu vực bãi thải Đông Cao Sơn

- Tổ chức duy trì vận hành ổn định và có hiệu quả tuyến đê chắn chân bãi thải Đông Cao Sơn và hệ thống đập số 1,2 khu vực đở thải H10 Mông Dương đã được đầu tư từ năm 2015 và 2016, không để xảy ra sự cố trong năm 2019.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Công tác điều hành sản xuất và kỹ thuật công nghệ

Trong năm Công ty đã chỉ đạo, thực hiện tốt các phương án khai thác trọng điểm theo mục tiêu đề ra, cơ bản hoàn thành kế hoạch hạ moong 2018-2019.

- Công tác quản lý kỹ thuật khai thác: Về cơ bản thực hiện tốt theo quy định; trong năm đã tập trung cải thiện các điều kiện khai thác, điều kiện làm việc, thi công hoàn chỉnh Phương án xử lý sạt lở khu vực bờ Bắc.

- Công tác điều hành sản xuất: Thực hiện theo đúng các quy định, giữ vững kỷ luật điều hành. Trong năm đã triển khai thực hiện các giải pháp điều hành sản xuất hợp lý để tăng thời gian làm việc hữu ích của thiết bị, nâng cao năng suất lao động.

- Chỉ đạo điều hành hợp lý công tác sản xuất và tiêu thụ, cơ bản đảm bảo nguồn than phục vụ tiêu thụ.

- Tổ chức thi công hoàn thành các công trình thoát nước, PCMB theo đúng kế hoạch, các công trình phát huy hiệu quả. Thực hiện tốt các công việc BVMT thường xuyên theo quy định.

- Cân đối tổ chức sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu thiết bị theo kế hoạch. Đẩy mạnh ứng dụng Tin học hóa, Tự động hóa trong sản xuất kinh doanh, lắp đặt bổ sung 173 bộ cảm biến nhiên liệu cho các thiết bị vận tải và 04 hệ thống camera giám sát tại các vị trí thiết yếu trên khai trường để nâng cao hiệu quả quản lý.

- Thực hiện công tác quản lý, mua bán vật tư phục vụ yêu cầu sản xuất theo đúng theo quy định.

- Cân đối, điều chỉnh các dự án đầu tư năm 2019 phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo hiệu quả đầu tư. Trong năm 2019 Công ty tiếp tục thực hiện 10 dự án chuyển tiếp của năm 2018; 02 dự án khởi công mới và chuẩn bị đầu tư 01 dự án; Với tổng số 30 gói thầu mới thực hiện lựa chọn trong năm 2019 và 08 gói thầu thực hiện tiếp của năm 2018. Giá trị thực hiện là 242.779,6 triệu đồng đạt 82,89% so với kế hoạch năm 292.889 triệu đồng.

b. Công tác tổ chức, tái cơ cấu, sử dụng lao động

- Công ty tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung theo Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017-2020; sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất ở một số bộ phận, đơn vị để nâng cao hiệu quả quản lý. Công ty hiện còn 15 công trường, phân xưởng; 14 phòng quản lý.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động; kết quả năm 2019 Công ty đã giảm tuyệt đối được 33 lao động. Tổng số lao động hiện có đến 31/12/2019 là 2.432 người.

- Cân đối, sắp xếp lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả sử dụng lao động. Lao động bình quân năm 2019 đạt: 2.465 người, giảm 201 người so với kế hoạch.

c. Công tác quản trị chi phí, kinh tế tài chính

- Trong năm Công ty đã kịp thời xây dựng và thực hiện các phương án điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường; hoàn thành các chỉ tiêu kỹ thuật theo kế hoạch điều chỉnh năm 2019.

- Thực hiện công tác khoán, quản trị chi phí đến từng bộ phận, đơn vị và từng đầu thiết bị; thực hiện tiết giảm chi phí sản xuất.

- Ban hành tập định mức lao động nội bộ, xây dựng thông số cấp bậc công việc năm 2019. Hoàn thiện phương án sử dụng quỹ tiền lương năm 2019. Trong năm Công ty sử dụng hiệu quả quỹ tiền lương.

- rà soát, sửa đổi ban hành một số quy chế, quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu nhiệm vụ.

- Thực hiện công tác kế toán, thống kê, tài chính theo quy định, sử dụng hiệu quả vốn kinh doanh; nộp đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước: 724.364 triệu đồng.

d. Công tác đời sống, xã hội

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần và bố trí đủ việc làm cho người lao động.

- Tăng cường thực hiện các biện pháp để cải thiện điều kiện làm việc, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

- Phát động hiệu quả các phong trào thi đua lao động sản xuất hướng về mục tiêu "An toàn - Đổi mới - Phát triển" và Đợt thi đua 90 ngày đêm sản xuất và tiêu thụ than Quý IV/2019. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, duy trì các phong trào văn hóa, thể thao.

- Tham gia tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, các cuộc vận động xã hội từ thiện do các cấp phát động, với tổng số tiền 2 tỷ 973 triệu đồng.

e. Công tác an ninh trật tự; An toàn- VSLĐ

- Công ty tăng cường chỉ đạo và thực hiện nhiều biện pháp trong công tác bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tài sản, tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt các quy chế phối hợp bảo vệ an ninh trật tự với Công an và Chính quyền địa phương trên địa bàn. Tình hình an ninh trật tự trong năm cơ bản ổn định.

- Tập trung chỉ đạo và thực hiện quyết liệt các giải pháp đảm bảo an toàn, cải thiện các điều kiện làm việc; bổ sung ban hành một số quy định, quy trình kỹ thuật an toàn cho phù hợp với điều kiện sản xuất.

2. Tình hình tài chính, quản trị chi phí, quản lý kinh tế

- Công ty đã kịp thời xây dựng và thực hiện các phương án điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thời tiết và tình hình tiêu thụ.

- Thực hiện công tác khoán, quản trị chi phí đến từng bộ phận, đơn vị và từng đầu thiết bị; giảm khối lượng công nghệ phục vụ và công việc phát sinh ngoài kế hoạch nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh.

- Ban hành và thực hiện bộ định mức năng suất thiết bị áp dụng trong Công ty; điều chỉnh kế hoạch quỹ tiền lương và đơn giá tiền lương theo kế hoạch điều chỉnh năm 2019. Trong năm Công ty sử dụng hiệu quả quỹ tiền lương.

- Thực hiện công tác kế toán, thống kê, tài chính theo quy định; nộp đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước; bảo toàn vốn kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu tổ chức bộ máy và lao động theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020 đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; thực hiện tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động để nâng cao năng suất lao động. Phấn đấu năng suất lao động quy đổi năm 2020 tăng $\geq 3,1\%$ so với thực hiện năm 2019.

- Cân đối thực hiện xã hội hóa một số công việc phục vụ phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty. Tiếp tục triển khai Phương án tái HĐLĐ với CNVH máy khoan, máy xúc điện, thợ sửa chữa thiết bị mỏ đã nghỉ chế độ, đặc biệt là thợ bậc cao.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung và ban hành mới các quy chế, quy định về quản lý nội bộ Công ty phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

- Cân đối tuyển dụng, sắp xếp lao động hợp lý với kế hoạch sản lượng, đảm bảo phục vụ sản xuất, hiệu quả sử dụng lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực.

Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác.

Đầu tư thăm dò trữ lượng tài nguyên.

5. Giải trình của Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Không có ý kiến của Kiểm toán.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2019, Công ty hoạt động hiệu quả, đúng pháp luật. Ban điều hành sáng tạo, đã tạo ra những bước đột phá mới trong quản lý, điều hành đạt năng suất lao động, năng suất thiết bị, đảm bảo thu nhập cho người lao động. Tư tưởng cán bộ CNVC - LĐ ổn định và đã chuyển biến rõ rệt theo chiều hướng tích cực. Đội ngũ cán bộ quản lý đã thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm và chủ động thực hiện, phối hợp thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao trong quản lý và điều hành. Công nhân lao động đã nâng cao ý thức trách nhiệm, tận dụng tối đa thời gian làm việc để nâng cao giờ lao động làm ra sản phẩm. Những kết quả nêu trên của Tập thể CBCNVC - LĐ Công ty đã góp phần quan trọng đưa Công ty vượt qua khó khăn hoàn thành Kế hoạch SXKD. Bảo toàn được nguồn vốn kinh doanh.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.

Bộ máy điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết, Quyết định ban hành, ý kiến chỉ đạo của HĐQT, đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty. Bộ máy điều hành Công ty đã thắt chặt công tác quản lý, quản trị chi phí, điều hành sản xuất linh hoạt, vượt qua nhiều khó khăn điều kiện khai thác. Điều hành sản xuất kinh doanh an toàn, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019 với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 15.889 tỷ đồng, đảm bảo thu nhập cho người lao động cao hơn năm 2018.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh Công ty chỉ đạo tốt các đơn vị, người lao động trong Công ty sản xuất hiệu quả, đảm bảo phát triển Công ty ổn định, bền vững.

3. Các kế hoạch và định hướng của HĐQT.

Năm 2020 dự báo là năm còn nhiều khó khăn, thách thức; điều kiện khai trường sản xuất của Công ty ngày càng khó khăn, khai thác xuống sâu hơn. Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông, như trong báo cáo phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp chỉ đạo điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Giám đốc đã trình bày, Hội đồng quản trị cần tập trung chỉ đạo, giải quyết một số vấn đề trọng tâm sau:

1. Chỉ đạo, điều hành các phương án tổ chức sản xuất kinh doanh đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

2. Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu tổ chức bộ máy và lao động theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017÷2020 đảm bảo tinh gọn, hiệu quả. Cân đối thực hiện xã hội hóa một số công việc phục vụ phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty. Tiếp tục triển khai phương án tái HĐLĐ với một số công nhân vận hành máy khoan, máy xúc điện, thợ sửa chữa thiết bị mỏ đã nghỉ chế độ, nhất là thợ bậc cao.

3. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ điều chỉnh và quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình Mỏ than Cọc Sáu - Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - TKV.

4. Rà soát, bổ sung, ban hành các quy chế quản trị của Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước và TKV để đảm bảo cho bộ máy quản lý, điều hành của Công ty hoạt động linh hoạt, hiệu quả.

5. Chỉ đạo quản trị chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ; tập trung cải thiện các điều kiện kỹ thuật khai thác, đường vận chuyển; thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất hợp lý để tăng thời gian làm việc hữu ích của thiết bị, tăng năng suất lao động.

6. Cân đối, tổ chức thực hiện hiệu quả các dự án đầu tư năm 2020. Thực hiện các giải pháp đổi mới công nghệ, giảm giá thành sản xuất. Tiếp tục đầu tư và áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin tiên tiến trong quản lý, điều hành Công ty.

Điều lệ Công ty; triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; các thành viên HĐQT Công ty đã hoạt động đúng chức trách, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, minh bạch, vì lợi ích của các cổ đông và của Công ty.

d. Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập

Trong HĐQT có 03 thành viên không tham gia trực tiếp điều hành sản xuất, các thành viên tham gia đầy đủ các phiên họp và được giao nhiệm vụ theo các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn của mỗi người, cả 3 thành viên HĐQT độc lập đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao.

e. Ban Kiểm soát

+ Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin gồm 03 thành viên và hoạt động độc lập và kiêm nhiệm.

- 1- Ông Nguyễn Văn Hùng - Trưởng ban;
- 2- Bà Nguyễn Thị Mai Anh - Ủy viên;
- 3- Bà Vũ Thiệp Thành - Ủy viên.

Ban kiểm soát của Công ty thường xuyên giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty thông qua việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết các kỳ họp của HĐQT, các quy chế, qui định do HĐQT ban hành.

Giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành thông qua việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT, các nghị quyết của Giám đốc trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc được qui định trong điều lệ của Công ty.

2/ Thu nhập của các ủy viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty

STT	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
1	Hội đồng quản trị và viên chức quản lý	2.207.270.000	219.360.000
2	Ban kiểm soát	324.120.000	96.000.000
	Tổng cộng	2.531.390.000	315.360.000



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của Kiểm toán:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam. Công ty đã đăng báo, gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Website của Công ty đăng tải báo cáo tài chính là: www.Cocsau.com

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCCKHN;
- Lưu: VT, KTTK.(Ng.H 04)

GIÁM ĐỐC 



Nguyễn Văn Thuận